

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2024
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đê.

2. Bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2024, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị V, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Ú, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chị V có đơn xin vắng mặt. Anh Ú có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2024 nguyên đơn trình bày: Anh chị cưới nhau năm 1995, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Hiện tại có 02 người con chung là Trần Văn H, sinh năm 1996 và Trần Thị L, sinh năm 2001. Trong quá trình chung sống anh chị không hòa hợp nhau, thường xuyên cự cãi, hai bên đã cố gắng

nhận nhin nhưng thời gian kéo dài mâu thuẫn lại nhiều thêm không tháo gỡ được. Anh chị sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu gì. Anh chị không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Chị V xin vắng mặt phiên tòa.

- *Bị đơn anh Trần Văn Ú trình bày:* Lời trình bày của chị V trong đơn là đúng, anh thống nhất ly hôn. Anh không yêu cầu gì khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Anh chị sống chung từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị V và anh Ú không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Năm 1995 anh chị sống chung như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh chị. Theo đó, chị V và anh Ú không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị đều xác định có 02 người con chung, hiện nay đều đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về cấp dưỡng: Không ai yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Anh chị tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị V phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị V và anh Trần Văn Ú.

2- Án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị V chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005079 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3- Bị đơn là anh Ú có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn là chị V vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận